

khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
ĐỖ MƯỜI

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 55-CT ngày 10-3-1989 về lãi suất tiền gửi tiết kiệm.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề sử dụng hợp lý mọi nguồn tiền mặt trong xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, lưu thông và đời sống,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Giao cho Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tháng 3 năm 1989 quy định lại và hướng dẫn thi hành mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm, mức lãi suất này được điều chỉnh phù hợp với sự biến động của chỉ số giá cả thị trường xã hội và có lãi khuyến khích cho người gửi.

Điều 2. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 6-TC/CTN ngày 16-3-1989 hướng dẫn việc thu nộp thuế đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng.

Căn cứ Nghị định số 139-HĐBT ngày 5-9-1988 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu nộp các loại thuế đối với xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng như sau :

I. THUẾ LỢI TỪC

1. Đối tượng chịu thuế và nộp thuế :

a) Các khoản lợi nhuận của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước

ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng thu được do hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh được quy định trong Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đều thuộc đối tượng chịu thuế lợi tức.

b) Các xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh là đối tượng nộp thuế lợi tức.

Trường hợp xí nghiệp có các cơ sở kinh doanh phụ thì thuế lợi tức được tính chung cho xí nghiệp, và xí nghiệp có trách nhiệm nộp cả phần thuế lợi tức của các cơ sở kinh doanh phụ.

2. Lợi tức chịu thuế:

— Lợi tức chịu thuế của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là số chênh lệch giữa tổng các khoản thu với tổng các khoản chi của cơ sở chính và cơ sở phụ (nếu có) trong năm tính thuế.

— Lợi tức chịu thuế của Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng là số chênh lệch giữa các khoản thu của Bên nước ngoài với các khoản chi của Bên nước ngoài do thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết với Bên Việt Nam.

a) Các khoản thu:

Các khoản thu của xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh bao gồm các khoản thu do tiêu thụ sản phẩm sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ cho Bên nước ngoài và các khoản lợi tức phụ khác thu được do bất kỳ hoạt động nào của xí nghiệp trong năm tính thuế.

Trường hợp xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh áp dụng hình

thức chia sản phẩm sản xuất thì khoản thu về tiêu thụ sản phẩm được tính như sau :

— Khoản thu của Bên Việt Nam là số lượng sản phẩm chia cho Bên Việt Nam nhân (X) với đơn giá bán kinh doanh thương nghiệp trừ chiết khấu.

— Khoản thu của Bên nước ngoài là số lượng sản phẩm chia cho Bên nước ngoài nhân (X) với đơn giá bán của thị trường quốc tế, trong thời điểm bán hàng.

b) Các khoản chi :

— Các khoản chi của xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh bao gồm các khoản chi được quy định tại khoản b, điều 79, chương VII Nghị định số 139-HĐBT ngày 5-9-1988 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

— Không được tính vào chi phí khác các khoản chi trả lãi tiền vay, trả thưởng, tiền nộp thuế lợi tức, tiền phạt, khoản trích khấu hao tài sản của những loại tài sản đã hết giá trị khấu hao của xí nghiệp.

3. Chế độ thu nộp thuế lợi tức:

a) Tính thuế lợi tức:

— Số thuế lợi tức phải nộp là lợi tức chịu thuế thực hiện trong năm tính thuế nhân (X) với thuế suất thuế lợi tức được quy định cho xí nghiệp hoặc Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh ghi tại giấy phép đầu tư hoặc giấy phép kinh doanh do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

— Năm tính thuế của xí nghiệp là năm tài chính mà xí nghiệp được phép áp dụng.

b) Phương pháp thu thuế lợi tức:

— Thuế lợi tức cả năm của xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh

được tạm thu 3 tháng một kỳ, hết năm tính thuế hoặc hết hợp đồng thì thu thuế theo quyết toán thực tế. Số thuế còn thiếu thì nộp đủ vào kỳ nộp tiếp theo; số thuế nộp thừa thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo.

— Riêng đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh có thời hạn dưới 1 năm thì thuế lợi tức nộp thành hai kỳ, kỳ thứ nhất tạm nộp vào giữa thời hạn của hợp đồng, hết hợp đồng sẽ được quyết toán theo thực tế.

c) Đồng tiền nộp thuế:

Xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ thu tiền bằng đồng tiền nước nào thì nộp thuế lợi tức bằng đồng tiền nước đó.

d) Thời hạn, nơi nộp và thủ tục nộp thuế:

Chậm nhất là sau 5 ngày của kỳ nộp thuế, xí nghiệp hoặc Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh phải kê khai và nộp tờ khai (mẫu số 1) cho cơ quan thuế nơi có trụ sở chính của xí nghiệp.

— Cơ quan thuế kiểm tra tờ khai, tính thuế và phát hành thông báo số thuế phải nộp cho các đối tượng nộp thuế. Trường hợp quá thời hạn nộp tờ khai, cơ quan thuế có quyền ấn định số thuế tạm nộp và phát hành thông báo.

— Chậm nhất sau 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh phải nộp đủ số thuế vào Ngân hàng do cơ quan thuế chỉ định.

— Chậm nhất là sau 3 tháng kể từ ngày xí nghiệp khóa sổ năm tài chính, xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh

doanh phải nộp báo cáo kế toán cho cơ quan thuế. Căn cứ vào báo cáo kế toán đã được cơ quan kiểm tra kế toán xác nhận, cơ quan thuế xác định và thông báo cho xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh về số thuế phải nộp trong năm, số thuế đã tạm nộp, số thuế còn thiếu, số thuế nộp thừa.

— Trường hợp báo cáo kế toán của xí nghiệp có những điểm chưa rõ, cơ quan thuế có quyền yêu cầu xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh kiểm tra, xác định lại báo cáo kế toán trước khi quyết toán số thuế phải nộp.

đ) Nộp tiền thuế vào ngân sách:

Thuế lợi tức nộp vào chương 96, mục 19, loại, khoản, hạng thích hợp của mục lục ngân sách hiện hành.

4. Hoàn thuế lợi tức cho tái đầu tư:

a) Các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài dùng lợi nhuận được chia để tái đầu tư từ 3 năm trở lên được cơ quan thuế hoàn lại số tiền thuế lợi tức đã nộp của phần lợi nhuận tái đầu tư.

Trường hợp tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài chưa góp đủ vốn pháp định ghi trong giấy phép của xí nghiệp, nếu dùng lợi nhuận được chia để góp thêm cho đủ vốn pháp định thì không được coi là tái đầu tư và không được hoàn lại thuế lợi tức đã nộp.

b) Thuế lợi tức hoàn lại cho lợi nhuận tái đầu tư xác định như sau:

Số thuế lợi	Số lợi nhuận	Thuế suất
tức được	= dùng để tái	× thuế lợi tức
hoàn	đầu tư	của xí nghiệp

09653300

Xí nghiệp nộp thuế bằng đồng tiền nước nào, thì được hoàn lại bằng đồng tiền nước đó.

c) Thủ tục hoàn thuế lợi tức:

— Khi đề nghị hoàn lại thuế lợi tức cho lợi nhuận tái đầu tư, các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài phải xuất trình đầy đủ các chứng từ sau đây với cơ quan thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương nơi trụ sở chính của xí nghiệp:

Quyết định cho phép tái đầu tư của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Tờ khai về lợi nhuận tái đầu tư (theo hướng dẫn của cơ quan thuế).

— Khi nhận được đầy đủ các chứng từ, cơ quan thuế tỉnh số thuế lợi tức được hoàn lại và làm thủ tục thoái trả cho người tái đầu tư.

Đề việc thoái trả cho người tái đầu tư được thuận lợi, nhanh chóng, Bộ Tài chính tạm thời ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có đầu tư nước ngoài được sử dụng tài khoản 640 «Thu ngân sách Trung ương» tại địa bàn đề thoái trả cho người tái đầu tư, đồng thời có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính (Vụ ngân sách Nhà nước) về số thuế thoái trả nói trên. Riêng trên địa bàn Hà Nội, Bộ Tài chính (vụ ngân sách Nhà nước) trực tiếp thoái trả cho người tái đầu tư.

II. THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN RA NƯỚC NGOÀI

1. Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế:

a) Lợi nhuận mà các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài được chia do tham gia đầu tư dưới bất cứ hình thức nào quy định trong Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, khi chuyển lợi nhuận ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều là đối tượng chịu thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

b) Tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài có trách nhiệm nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

2. Chế độ thu nộp thuế:

a) Tinh thuế:

Số thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài phải nộp, bằng số lợi nhuận chuyển ra nước ngoài nhân (×) với thuế suất được quy định tại giấy phép đầu tư nước ngoài do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

b) Đồng tiền nộp thuế:

Lợi nhuận chuyển ra nước ngoài bằng đồng tiền nước nào thì nộp thuế bằng đồng tiền nước đó.

c) Thủ tục thu nộp thuế:

— Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thu theo từng lần chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.

— Mỗi lần chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài phải khai báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế lợi tức đối với xí nghiệp có các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài góp vốn.

— Nhận được tờ khai, trong vòng 1 ngày làm việc cơ quan thuế tỉnh thuế, phát

hành thông báo số thuế phải nộp cho tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài.

— Nhận được thông báo thuế, tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài đến Ngân hàng nộp thuế khi làm thủ tục chuyển tiền ra nước ngoài.

d) Nộp tiền vào ngân sách :

Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thu vào chương 96, mục 19, loại, khoản, hạng thích hợp của mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

III. THUẾ DOANH NGHIỆP, THUẾ HÀNG HÓA

1. Các xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh, nếu có hoạt động dịch vụ thu tiền Việt Nam phải nộp thuế doanh nghiệp theo Điều lệ và các Pháp lệnh thuế công thương nghiệp hiện hành.

2. Các xí nghiệp và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh nếu tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam thì tùy theo từng mặt hàng phải nộp thuế doanh nghiệp hoặc thuế hàng hóa như sau :

a) Đối với mặt hàng không thuộc danh mục nộp thuế hàng hóa thì nộp thuế doanh nghiệp. Số thuế phải nộp bằng doanh thu bán hàng nhân (×) với thuế suất thuế doanh nghiệp trong biểu thuế doanh nghiệp hiện hành.

b) Đối với các mặt hàng thuộc danh mục chịu thuế hàng hóa thì phải nộp

thuế hàng hóa. Số thuế phải nộp bằng số lượng hàng hóa tiêu thụ nhân (×) với giá tính thuế, nhân (×) với thuế suất của từng mặt hàng trong biểu thuế hàng hóa hiện hành.

3. Chế độ thu nộp tiền thuế :

— Doanh thu tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam bằng đồng tiền nước nào thì nộp thuế doanh nghiệp hoặc thuế hàng hóa bằng đồng tiền nước đó.

— Hàng tháng, chậm nhất là 5 ngày đầu tháng sau xí nghiệp phải kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan thuế (mẫu số 3). Cơ quan thuế tính thuế và phát hành thông báo số thuế phải nộp cho xí nghiệp. Chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xí nghiệp phải nộp đủ số thuế phải nộp vào Ngân hàng do cơ quan thuế chỉ định.

— Số thuế doanh nghiệp nộp vào chương 96, mục 18, loại, khoản, hạng thích hợp và thuế hàng hóa nộp vào chương 96, mục 17, loại, khoản, hạng thích hợp của mục lục ngân sách hiện hành.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA XÍ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ BÊN NƯỚC NGOÀI HỢP TÁC KINH DOANH TRÊN CƠ SỞ HỢP ĐỒNG

1. Khai báo với cơ quan thuế về tình hình và kết quả kinh doanh theo mẫu biểu và thời hạn do cơ quan thuế quy định.

2. Xuất trình đầy đủ các sổ sách, chứng từ, các giấy tờ cần thiết và giải đáp đầy đủ các vấn đề liên quan đến việc tính thuế khi cơ quan thuế yêu cầu.

3. Nộp đầy đủ, đúng hạn số thuế do cơ quan thuế thông báo.

V. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN THU THUẾ

1. Hướng dẫn các đối tượng nộp thuế thực hiện khai báo từng loại theo chế độ.

2. Kiểm tra tờ khai nộp thuế, sổ sách, chứng từ, tài liệu cần thiết và yêu cầu đối tượng nộp thuế giải đáp các vấn đề có liên quan đến việc thu nộp thuế.

3. Tính thuế và thông báo số thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế.

4. Lập biên bản và xử lý các vi phạm về thuế thuộc thẩm quyền do Nhà nước giao cho cơ quan thuế.

VI. XỬ LÝ CÁC VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

1. Các vi phạm về thuế sẽ bị xử phạt như sau :

— Không làm đúng những quy định về khai báo thì bị phạt tiền đến 0,5% (năm phần nghìn) số thuế phải nộp của kỳ phát sinh sai sót.

— Man khai, lậu thuế thì phạt tiền đến 5 lần số thuế man lậu.

— Không nộp đúng thời hạn quy định thì mỗi ngày nộp chậm phải nộp thêm 0,5% (năm phần nghìn) số thuế nộp chậm.

2. Thẩm quyền xử lý các vi phạm và khiếu nại :

— Các vụ vi phạm về thuế do cơ quan trực tiếp quản lý thu thuế xử lý.

— Các vụ khiếu nại về thuế do cơ quan trực tiếp thu thuế xem xét và giải quyết, nếu đương sự không đồng ý thì khiếu nại lên cơ quan thuế cấp trên và lên Bộ Tài chính giải quyết. Trong khi chờ đợi giải quyết khiếu nại, người nộp thuế vẫn phải nộp đủ và đúng hạn số thuế phải nộp do cơ quan thuế đã thông báo:

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bộ Tài chính giao trách nhiệm cho ngành thuế công thương nghiệp quản lý và tổ chức thu thuế theo quy định trong Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các ngành và các địa phương phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính biết và giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
HOÀNG QUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TỜ KHAI NỘP THUẾ LỢI TỪC
Kỳ năm

- Tên xí nghiệp (công ty)
- Địa chỉ trụ sở chính của xí nghiệp (công ty)
- Năm tài chính bắt đầu kết thúc
- Đồng tiền hạch toán
- Thuế suất thuế lợi tức (ghi trong giấy phép đầu tư)
- Số tài khoản của xí nghiệp tại Ngân hàng

Số thứ tự	Tên chi tiêu	Tiền Việt Nam	Tiền nước ngoài				Quy ra đồng tiền hạch toán
			Đô la Mỹ	Đô la Hồng Kông	Đồng yên Nhật	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổng các khoản thu trong kỳ Trong đó: — Tiêu thụ sản phẩm — Cung ứng lao vụ — Thu khác						
2	Tổng các khoản chi trong kỳ Trong đó: — Chi về nguyên vật liệu và năng lượng để sản xuất các sản phẩm chính, sản phẩm phụ hoặc cung ứng dịch vụ — Tiền lương và các khoản phụ cấp... — Khấu hao tài sản cố định ... — ... — Các chi phí khác						
3	Chênh lệch giữa các khoản thu và các khoản chi						

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng xí nghiệp
(Công ty) (ký tên)

Giám đốc xí nghiệp (công ty)
(ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập— Tự Do— Hạnh Phúc

TỜ KHAI NỘP THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN RA NƯỚC NGOÀI

- Tên tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài.....
..... quốc tịch
- Tham gia góp vốn tại xí nghiệp
- Địa điểm trụ sở chính của xí nghiệp
- Số lợi nhuận xin chuyển ra nước ngoài
- rút ra tại Tài khoản số..... ngân hàng.....
- Đồng tiền chuyển ra nước ngoài
- Thuế suất thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài
- (ghi trong giấy phép đầu tư).....

Xác nhận của Ngân hàng
nơi làm thủ tục chuyển tiền

Ngày tháng năm 198
Người kê khai ký tên và đóng dấu
(nếu có)

Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập— Tự Do— Hạnh Phúc

TỜ KHAI

NỘP THUẾ DOANH NGHIỆP VÀ THUẾ HÀNG HÓA

Tháng năm

- Tên xí nghiệp (công ty)
- Địa chỉ trụ sở chính
- Số tài khoản của xí nghiệp (công ty) tại Ngân hàng
- Doanh thu dịch vụ bằng tiền Việt Nam và doanh thu tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam

09653300

Số thứ tự	Tên chi tiêu	Số doanh thu				
		Tiền Việt Nam	Tiền nước ngoài			
			Đô la Mỹ	Đô la Hồng Kông	Đồng Yên Nhật	...
A	B	1	2	3	4	5
1	<i>Loại dịch vụ</i> — Dịch vụ khách sạn — Dịch vụ vận tải —					
2	<i>Tên mặt hàng tiêu thụ</i> a) . . . b) . . . c) . . .					
3	+					

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc xí nghiệp (công ty)
(ký tên đóng dấu)

THÔNG TƯ số 5 - LĐT BXH/TT
ngày 8-3-1989 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên đối với giáo viên và cán bộ giảng dạy.

Căn cứ Quyết định số 309-CT ngày 9-12-1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về phụ cấp thâm niên cho giáo viên và cán bộ giảng dạy; sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục, Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Bộ Lao động — Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện như sau.

I. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN

1. Giáo viên (mẫu giáo, phổ thông, bổ túc văn hóa và cô nuôi dạy trẻ đã được đào tạo) trực tiếp giảng dạy ở các trường, lớp theo quy chế trường, lớp do Bộ Giáo dục quy định.

2. Cán bộ giảng dạy (dạy lý thuyết và thực hành) ở các trường đại học, cao đẳng; trung học, sơ học, dạy nghề trực tiếp giảng dạy ở các trường, lớp theo quy chế trường; lớp do Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề quy định.